TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00805

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Môi trường nông nghiệp (204727) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10113233	NG GIANG LONG BÁ	TƯỚC	DH10NH	173		1,2		5,1	6,3	6	3
74	10113191	VŨ VĂN	TỰU	DH10NH	108		1,2		5,8	7,0	7	0
75	10113193	TRẦN VIẾT	VĂN	DH10NH	173		2,1		5,2	7,0	7	0
76	10113195	TRẦN THỊ HẢI	VÂN	DH10NH	208		2,7		5,4	8,1	8	1
77	11145202	VÕ QUỐC	VIỆT	DH11BV	173		0		5,2	5,2	5	2
78	10113225	TRƯƠNG CHANE	XÊRÂY	DH10NH	208		1,8		4,9	6,7	6	7
79	10113205	NGUYỄN	XIN	DH10NH	173		1,8		5,4	7,2	7	2

Số bài: 76 ; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Tuyết Nhung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00805

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Môi trường nông nghiệp (204727) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 29/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD301 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10113145	LÊ NGỌC HOÀNG	THIÊN	DH10NH	208		1,8		5,9	7,7	7	7
56	10113146	BÙI NGỌC	THỊNH	DH10NH	173		2,7		5,9	8,6	8	6
57	10113222	KIM	THỜI	DH10NH	208		1,2		4,2	5,4	5	4
58	10113152	PHẠM THỊ	THU	DH10NH	173		1,2		5,1	6,3	6	3
59	10113153	QUẢN THỊ	THU	DH10NH	208		2,5		5,1	7,6	7	6
60	10113154	NGUYỄN THẾ	THUẦN	DH10NH	173		1,2		4,5	5,7	5	7
61	10113158	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÙY	DH10NH	173		2,5		4,7	7,2	7	2
62	10113161	ĐINH TẤN	THỪA	DH10NH	208		2,7		5,1	7,8	7	8
63	10113163	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH10NH	173		2,1		6,1	8,2	8	2
64	11145020	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	DH11BV	208		0		4,2	4,2	4	2
65	10113165	NGUYỄN QUỐC	TÌNH	DH10NH	173		2,7		5,8	8,5	8	5
66	11113037	LƯƠNG CÔNG	TOẠI	DH11NH	208		0		5,6	5,6	5	6
67	10113167	NGÔ ĐÌNH MINH	TOÀN	DH10NH	173		2,7		5,2	7,9	7	9
68	10113171	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH10NH	208		2,1		5,8	7,9	7	9
69	10113174	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	DH10NH	173		2,7		5,4	8,1	8	1
70	11145180	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRINH	DH11BV	208		2,8		6,5	9,3	9	3
71	10113182	TRẦN VĨNH	TUÂN	DH10NH	173		1,2		5,1	6,3	6	3
72	10113185	HỒ TRẦN	TUYỀN	DH10NH	208		2,4		5,6	8,0	8	0

Số bài: 76 ; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu Ng Tuyết Nhung Tường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00805

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Môi trường nông nghiệp (204727) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã đề Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10113088	PHẠM THỊ	MINH	DH10NH	208		2,1		5,6	7,7	7	7
38	10113090	TRƯƠNG KHẮC TÔ TRÀ	MY	DH10NH	173		2,1		5,2	7,3	7	3
39	11145262	TRIỆU THỊ MINH	NGÀ	DH11BV	208		0		5,1	5,1	5	1
40	11145223	NGUYỄN NGỌC	NGHĨA	DH11BV	173		2,8		5,1	7,9	7	9
41	10113097	MAI XUÂN	NGỌC	DH10NH	208		0		5,8	5,8	5	8
42	11145123	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH11BV	173		0		4,9	4,9	4	9
43	10113254	ĐỖNG THỊ ÚT	NHI	DH10NH	173		2,7		4,4	7,1	7	1
44	10113002	NGUYỄN THỊ THU	NI	DH10NH	208		2,7		5,4	8,1	8	1
45	10113087	NGUYỄN VĂN	NINH	DH10NH	173		2,7		4,9	7,6	7	6
46	10113107	TRẦN THỊ KIM	OANH	DH10NH	208		2,1		5,6	7,7	7	7
47	10113110	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHÚC	DH10NH	208		2,3		5,1	7,4	7	4
48	11113179	ĐINH PHÚC	SANG	DH11NH	173		0		4,7	4,7	4	7
49	11145035	ĐOÀN VĂN	TẤN	DH11BV	208		2,8		5,2	8,0	8	0
50	10113221	THỊ KIM	THÀ	DH10NH	173		2,4		5,1	7,5	7	5
51	10113138	TRẦN HỒNG	THẮM	DH10NH	208		2,1		5,8	7,9	7	9
52	11145154	TRẦN THỊ MỸ	THẮM	DH11BV	173		0		5,6	5,6	5	6
53	10113230	PHÚ ĐẠI	THẮNG	DH10NH	208		2,7		4,7	7,4	7	4
54	10113144	TRỊNH VĂN	THẬT	DH10NH	173		2,7		5,9	8,6	8	6

Số bài: 76 ; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 9 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00805

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Môi trường nông nghiệp (204727) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 29/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10113053	LÊ TIẾN	HOÀNG	DH10NH	208		1,2		5,1	6,3	6	3
20	10113061	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH10NH	173		2,7		5,8	8,5	8	5
21	10113057	NGUYỄN QUỐC	HUY	DH10NH	208		1,2		5,8	7,0	7	0
22	10113236	THẬP THỊ NHƯ	HUỲNH	DH10NH	173		2,3		4,9	7,2	7	2
23	10113063	LÊ VĨNH	HƯNG	DH10NH	208		2,1		5,6	7,7	7	7
24	10113064	LÊ QUỐC	HƯƠNG	DH10NH	173		2,3		5,1	7,4	7	4
25	11145216	TRIỆU PHÚ	HỮU	DH11BV	208		0		5,9	5,9	5	9
26	12145247	NGUYỄN TIẾN	KHOA	DH12BV								
27	10113071	NGUYỄN VĂN	KHUYẾN	DH10NH	208		2,5		5,4	7,9	7	9
28	10113073	ĐÀO THỊ HỒNG	KIỀU	DH10NH	173		2,5		5,1	7,6	7	6
29	10113079	NGUYỄN THỊ	LIÊN	DH10NH	208		2,3		6,2	8,5	8	5
30	11145027	HUỲNH VŨ	LINH	DH11BV	173		0		5,1	5,1	5	1
31	10113223	KIÊN NGỌC	LINH	DH10NH	208		2,7		4,4	7,1	7	1
32	11145264	LÊ THỊ THÙY	LINH	DH11BV	173		0		5,2	5,2	5	2
33	10113224	THẠCH THỊ	LINH	DH10NH	208		2,4		5,1	7,5	7	5
34	10113081	TRẦN THỊ PHƯỢNG	LINH	DH10NH	173		2,5		5,2	7,7	7	7
35	11145247	NGUYỄN THANH	LUÂN	DH11BV	208		0		5,6	5,6	5	6
36	11113144	NGUYỄN QUANG	MINH	DH11NH	173		0		5,1	5,1	5	1

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Ngọc Tuyết Nhung Tường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 9 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00805

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Môi trường nông nghiệp (204727) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 29/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD301 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10113003	VÕ HOÀNG	ANH	DH10NH	173		2,5		4,9	7,4	7	4
2	10113004	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ÂN	DH10NH	208		2,3		5,4	7,7	7	7
3	10113005	PHẠM HỒNG	ÂN	DH10NH	173		2,5		5,1	7,6	7	6
4	10113007	ĐẶNG QUỐC	BẢO	DH10NH	208		2,7		5,2	7,9	7	9
5	10113008	NGUYỄN HOÀI	BẢO	DH10NH	173		1,2		5,9	7,1	7	1
6	11145048	NGUYỄN VĂN	BẮC	DH11BV								
7	10116009	NGUYỄN THỊ	BÌNH	DH10NH	173		2,4		5,8	8,2	8	2
8	10113014	NGUYỄN VĂN	CHÂN	DH10NH	208		2,1		5,8	7,9	7	9
9	10113015	PHAN MINH	CHÂU	DH10NH	173		1,8		5,6	7,4	7	4
10	10113019	LÊ VÕ NGỌC	DIỄM	DH10NH	208		2,1		5,4	7,5	7	5
11	10113020	PHẠM THỊ	DIỆP	DH10NH	173		2,7		5,4	8,1	8	1
12	10113025	PHÙNG THỊ	DUYÊN	DH10NH	208		2,5		6,1	8,6	8	6
13	11145064	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	DH11BV	173		2,8		5,9	8,7	8	7
14	11113089	ĐINH QUANG	ĐỒNG	DH11NH								
15	10113228	Y LIM	ÊBAN	DH10NH	208		1,2		4,9	6,1	6	1
16	10113043	ĐỖ THỊ NGỌC	HIỀN	DH10NH	173		2,4		6,6	9,0	9	0
17	10113045	LÊ THỊ THU	HIẾU	DH10NH	208		2,5		4,7	7,2	7	2
18	10113050	PHAN THỊ TÂM	HÒA	DH10NH	173		2,5		5,4	7,9	7	9

Số bài: 76 ; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 3 tháng 9 năm 2013